BÀI TẬP CHỦ ĐỀ CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025-2026
PHẦN CÂU HỎI ĐÚNG/SAI

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:
"Ở quê thì cái chợ là nơi dân xung quanh họp nhau mỗi ngày hay mỗi phiên để đổi chác những đồ thổ sản hoặc về nông nghiệp hoặc về công nghiệp, cần dùng cho sự sinh hoạt hằng ngày. Ngoài những người nhà quê đến chợ để bán thổ sản, còn có ít nhiều người lái buôn chuyển như hàng vải, hàng xén, hàng cau, hàng thuốc, hàng thịt, hàng bánh, cứ gánh hàng đi chợ này chợ khác để bán rong,...".

(Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 75))

a) Đoạn tư liệu phản ánh các hoạt đời sống tinh thần của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.
b) Chợ vừa là nơi trao đổi, buôn bán các mặt hàng, vừa là nơi giao lưu văn hoá và thể hiện tính cộng đồng.
c) Cư dân Nam Bộ còn có hình thức họp chợ trên sông, hình thành các khu chợ nổi.
d) Các dân tộc vùng cao như H'mông, Dao, Tày, Nùng, Thái.... không họp chợ.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:
"Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, tạo động lực cho phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng trong việc định hướng, xây dựng chính sách bảo tồn, phát huy, quảng bá giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay".

(https://nhandan.vn/bao-ton-phat-huy-gia-tri-van-hoa-cac-dan-toc-thieu-so-post739638.html)

a) Nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm.
b) Việc Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến văn hóa vì văn hóa, con người Việt Nam được xác định là sức mạnh nội sinh, đóng vai trò chủ đạo trong phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.
c) Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số là cơ sở quan trọng nhất để chống lại sự xâm lăng và bành trướng văn hóa từ bên ngoài.
d) Kinh nghiệm lịch sử dân tộc cho thấy, sức mạnh nội sinh của văn hóa chỉ phát huy tác dụng trong thời bình, còn trong các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, sức mạnh này không đóng vai trò quyết định.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:
"Với 54 dân tộc ở Việt Nam, có 4 dân tộc là Kinh (Việt), Hoa, Chăm và Khmer có truyền thống sống ở vùng đồng bằng. Trong số này, các dân tộc Kinh (Việt), Chăm, Khmer vốn là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, còn người Hoa thường sống bằng nghề tiểu thủ công và kinh doanh buôn bán ở khu vực đô thị. 50 dân tộc còn lại chủ yếu sinh sống ở các vùng miền núi và trung du,... Một trong những đặc điểm cư trú nổi bật của các dân tộc ở Việt Nam là sự xen cư. Việc xen cư đã diễn ra từ lâu đời và đặc biệt phát triển trong những thập kỉ gần đây, dưới tác động của các yếu tố di cư, giao lưu tiếp xúc văn hóa, ngôn ngữ, hôn nhân hỗn hợp dân tộc, kinh tế thị trường".

(Vương Xuân Tình (Chủ biên), *Quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia – dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2019, tr.117 – 118).

a) Việt Nam có 54 dân tộc anh em, trong đó có 4 dân tộc Kinh, Hoa, Chăm và Khmer thuộc nhóm dân tộc đa số.

b) Địa bàn cư trú của 4 dân tộc Kinh, Hoa, Chăm và Khmer có truyền thống sống ở vùng đồng bằng.
c) Trong những thập kỉ gần đây, do sự tác động của nhiều yếu tố, việc cư trú đan xen giữa các dân tộc đã bắt đầu xuất hiện và phát triển.
d) Đặc điểm của cư trú đan xen hiện nay là một quá trình dịch chuyển dân cư linh hoạt, đa chiều, chủ yếu do các yếu tố kinh tế thúc đẩy.

Câu 4: Cho đoạn tư liệu sau:

"Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng trong tính thống nhất của nền văn hoá Việt Nam. Bản sắc văn hoá của các dân tộc được hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử dân tộc, điều đó đã tạo nên những sắc thái văn hoá riêng của từng dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc điểm của nền văn hoá cộng đồng các dân tộc ở nước ta."

(*Ban Chỉ Đạo Đại Hội Đại Biểu Các Dân Tộc Thiểu Số Việt Nam, Cộng đồng các dân tộc Việt Nam, ,* tr. 12)

a) Bản sắc của văn hóa các dân tộc ở Việt Nam phù hợp với nền văn hóa chung của quốc gia.
b) Các dân tộc phải giữ nguyên vẹn tất cả các yếu tố văn hóa của dân tộc mình theo tiến trình lịch sử.
c) Trong các dịp lễ hội truyền thống của các dân tộc ở Việt Nam, phụ nữ dân tộc đều mặc áo dài thể hiện tính thống nhất văn hóa.
d) Nhà sàn, nhà rông, nhà dài là biểu hiện của tính "*thống nhất trong đa dạng"* của văn hóa Việt Nam.

Câu 5: Cho đoạn tư liệu sau:

"Người Tày có nhiều làn điệu dân ca như lượn, phong slư, phuối pác, phuối rọi, vén eng... Lượn gồm lượn cọi, lượn slương, lượn then, lượn nàng ới... là lối hát giao duyên được phổ biến rộng rãi ở nhiều vùng. Người ta thường lượn trong hội lồng tồng, trong đám cưới, mừng nhà mới hay khi có khách đến bản. Ngoài múa trong nghi lễ, ở một số địa phương có múa rối với những con rối bằng gỗ khá độc đáo".

(Nguồn: *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, Ban Chỉ Đạo Đại Hội Đại Biểu Các Dân Tộc Thiểu Số Việt Nam , tr. 165)

a) Đối với người Tày, việc có nhà mới là điều riêng tư, không nên cho người khác biết đến.
b) Điệu múa lâm thôn là điệu múa phổ biến nhất của người Tày.
c) Người Tày là dân tộc có đời sống tinh thần phong phú, nhất là ca múa.
d) Hát giao duyên là nét đẹp văn hóa nhằm kết nối tình cảm giữa nam và nữ với nhau.

Câu 6: Cho đoạn tư liệu sau:

"...giáo sư Đỗ Huy đã khái quát, coi: "Hệ tư tưởng là cái lõi cứng của mỗi nền văn hóa, văn hóa Việt Nam đã tiếp biến nhiều hệ tư tưởng khác nhau. Và nó đã tiếp biến trên cơ cấu của hệ giá trị mà lòng nhân ái là nền tảng, chủ nghĩa yêu nước là trục quy tâm, tinh thần cộng đồng là yếu tố trội và sự thích ứng là giải pháp ".

(Lưu Trần Tiêu, *Giữ gìn và phát huy bản lĩnh, bản sắc dân tộc của văn hóa*, Tạp chí Di sản Văn hóa, số 01 - 2002 , tr. 8)

a) Tiếp thu nguyên vẹn, không biến đổi văn hóa bên ngoài là một trong những đặc điểm của tinh thần tiếp thu văn hóa của người Việt.
b) Đoạn tư liệu cho thấy văn hóa dân tộc Việt Nam tiếp thu văn hóa bên ngoài trên những nền tảng vững chắc của dân tộc.
c) Người Việt tiếp thu tất cả tư tưởng tôn giáo trên thế giới là một biểu hiện của việc "*tiếp biến nhiều hệ tư tưởng khác nhau"* được đề cập trong tư liệu.
d) Một trong những cơ sở bên trong để người Việt tiếp thu văn hóa bên ngoài là truyền thống yêu nước của dân tộc.

Câu 7: Cho đoạn tư liệu sau:

"Người Thái là một trong 54 dân tộc ở nước ta. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, dân tộc Thái đã góp công sức lớn lao, đáng ghi nhận vào truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam. Đó cũng chính là quá trình người Thái tạo lập ra những giá trị văn hoá mang đậm bản sắc tộc người, đóng góp vào kho tàng di sản văn hoá các dân tộc Việt Nam. Bởi vậy, việc nghiên cứu văn hoá của người Thái ở nước ta là một trong những vấn đề quan trọng và cấp thiết nhằm góp phần nhận thức văn hoá và lịch sử dân tộc Thái cũng như sự đóng góp của văn hoá Thái vào văn hoá Việt Nam".

(TS. Nguyễn Thị Thanh Nga, *Nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc trong cuộc sống hiện đại*, Viện Dân Tộc Học, tr. 10)

a) Sau sáp nhập địa giới hành chính, số lượng dân tộc nước ta đã có sự thay đổi.

b) Dân tộc Thái giữ vai trò tích cực trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời góp phần vào nền văn hóa nước nhà.

c) Tiến trình lịch sử của dân tộc Thái không đồng nhất với quá trình hình thành bản sắc văn hóa của họ.

d) Nghiên cứu văn hóa là góp phần kết nối các dân tộc thông qua việc hiểu hơn về nền văn hóa các dân tộc.

Câu 8: Cho đoạn tư liệu sau:

"Đời sống tinh thần của người Thái rất phong phú và mang tính nhân bản sâu sắc, dù là người Thái Đen vùng Yên Châu (Sơn La) hay là người Thái Trắng ở Mai Châu (Hoà Bình) thì về cơ bản họ vẫn theo tín ngưỡng đa thần. Họ tin rằng có một thế lực "siêu nhiên" chi phối mọi hoạt động của con người, cùng các bản mường, núi rừng nơi họ cư trú."

(TS. Nguyễn Thị Thanh Nga, *Nghề dệt của người Thái ở Tây Bắc trong cuộc sống hiện đại*, Viện Dân Tộc Học, tr. 42)

a) Tín ngưỡng đa thần của dân tộc Thái là niềm tin vào lực lượng siêu nhiên có thể hỗ trợ cho họ.

b) Đoạn tư liệu phản ánh người Thái là dân tộc duy nhất ở Việt Nam có tín ngưỡng đa thần.

c) Người Thái là một dân tộc nhiều mê tín khi tin còn vào lực lượng siêu nhiên.

d) Đơn vị sống của người Thái *"bản mường*" tương đương với làng xã của dân tộc Kinh

Câu 9: Cho đoạn tư liệu sau:

"Kỳ Yên thực chất có nghĩa là "cầu an", nên dân gian thường đơn giản gọi lễ hội này là Lễ vía Thành Hoàng hoặc là Giỗ Ông. Đây là lễ hội quan trọng nhất trong năm của các ngôi đình ở Nam Bộ, thường kéo dài hai hoặc ba ngày với lịch cúng tế cụ thể tuỳ theo tục lệ của từng địa phương, có nơi chọn tháng giêng, tháng hai với ý nghĩa "Xuân kỳ" (mùa Xuân làm lễ cầu được mùa),…".

(TS Huỳnh Quốc Thắng, *Lễ hội dân gian ở Nam Bộ*, Viện Văn Hóa & Nhà Xuất Bản Văn Hoá - Thông Tin, tr. 71)

a) Lễ Kỳ Yên là một trong những lễ hội đặc sắc của cư dân tỉnh Cà Mau.

b) Tháng Giêng được đề cập trong đoạn trích là dựa vào lịch âm của cư dân Nam Bộ .

c) Lễ Kỳ Yên là lễ hội duy nhất của cư dân Nam Bộ.

d) Các chùa chiền tổ chức Lễ Kỳ Yên hàng năm rất long trọng.

Câu 10. Cho đoạn tư liệu sau:

"Dù sao, cuộc sống cộng cư hàng trăm năm qua giữa người Việt và Khmer vẫn làm cho hai nền văn hóa vốn có màu sắc khác nhau ấy ngày càng xen cài sâu sắc vào nhau và lễ hội dân gian người Việt ở Nam Bộ chắc chắn có không ít những ảnh chiếu của tín ngưỡng, phong tục tập quán Khmer."

(TS Huỳnh Quốc Thắng, *Lễ hội dân gian ở Nam Bộ*, Viện Văn Hóa & Nhà Xuất Bản Văn Hoá - Thông Tin, tr. 29)

a) Đoạn tư liệu cho thấy người Việt và người Khmer trong quá trình sinh sống đã có sự ảnh hưởng văn hóa lẫn nhau.
b) Văn hóa Khmer ảnh hưởng văn hóa người Việt chỉ trên phương diện lễ hội.
c) Dân tộc Khmer sinh sống ở vùng đất Nam Bộ, cộng cư với người Việt.
d) Lễ hội dân gian ở Nam Bộ là minh chứng phản ánh tính đa dạng của nền văn hóa Việt Nam.

Câu 11: Cho đoạn tư liệu sau:

"*Tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã tạo nên sức mạnh đoàn kết chiến đấu của quân và dân ta, của các dân tộc anh em trên đất nước ta từ Nam chí Bắc, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà. Nó là một trong những nguồn gốc chủ yếu đưa đến chiến thắng của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước*".

(Trần Bá Đệ, *Giáo trình Lịch sử Việt Nam (1945 - 1975)*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2012, tr.260)

a) Đoạn tư liệu trên ghi nhận: sức mạnh đoàn kết chiến đấu của quân và dân ta là nguồn gốc chủ yếu đưa đến chiến thắng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
b) Khối đại đoàn kết dân tộc chỉ có ý nghĩa trong thời chiến chống Mỹ, không còn vai trò quan trọng trong thời bình.
c) Giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước, không liên quan đến trách nhiệm của mỗi công dân.
d) Hiện nay, phát huy tinh thần đại đoàn kết dân tộc giúp củng cố sức mạnh toàn dân để phát triển kinh tế, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia.

Câu 12: Cho đoạn tư liệu sau:

"*Đánh giá cao vai trò quần chúng nhân dân, trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến, Đảng ta xác định đúng đắn vai trò, vị trí của các giai cấp, các giới, các lực lượng, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là vai trò của công nhân và nông dân. Đảng ta coi liên minh công nông là đội quân chủ lực, là lực lượng chủ yếu quyết định thắng lợi của kháng chiến, là nền tảng của khối đoàn kết toàn dân…*
Sức mạnh toàn dân đã đưa cuộc kháng chiến từ không đến có, từ yếu đến mạnh và cuối cùng giành được thắng lợi to lớn, đánh dấu bằng chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơne vơ".

(Trần Bá Đệ, *Giáo trình Lịch sử Việt Nam (1945 - 1975)*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2012, tr.107)

a) Đoạn tư liệu thể hiện khối đại đoàn kết dân tộc chỉ hình thành từ sự liên minh giữa hai giai cấp công nhân, nông dân.
b) Đoạn tư liệu trên đang đề cập đến bối cảnh hình thành sức mạnh đoàn kết toàn dân trong kháng chiến chống Pháp.
c) Chiến thắng Điện Biên Phủ là minh chứng sinh động cho sức mạnh đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.
d) Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, cần tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công – nông – trí thức làm nền tảng.

Câu 13: Cho đoạn tư liệu sau:

"*Tài dùng binh của Nguyễn Huệ cũng có, song sự thành công chính ở chỗ Nguyễn Huệ biểu thị đúng ý nguyện của quần chúng nông dân lúc bấy giờ: đánh đổ phái quý tộc. Cho nên, ở phương Nam, Nguyễn Huệ đánh đuổi được chúa Nguyễn và ở phương Bắc (Bắc Hà) diệt luôn được cả chúa Trịnh. Nguyễn Huệ tới đâu cũng được nông dân giúp sức. Có cả gần một dân tộc làm hậu thuẫn, anh em Tây Sơn thắng là lẽ dĩ nhiên*".

(Lương Đức Thiệp, *Xã hội Việt Nam khảo luận*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 2018, tr.66)

a) Đoạn tư liệu trên ghi nhận: Nguyễn Huệ chỉ dựa vào tài quân sự mà không nhận được sự ủng hộ từ nhân dân nên không phát huy được sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

b) Thành công của phong trào Tây Sơn chứng minh sức mạnh của khối đoàn kết giữa lãnh tụ với nhân dân, đặc biệt là tầng lớp công nhân.

c) Việc Nguyễn Huệ quy tụ được "gần cả một dân tộc làm hậu thuẫn" cho thấy sức mạnh của sự đồng lòng dân tộc là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

d) Trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, nếu không gắn bó mật thiết với nhân dân thì không thể phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 14: Cho đoạn tư liệu sau:

"*Đến thời Đinh Lê, dùng được người hiền lương, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới cùng lòng, lòng dân không chia, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống, đó lại là một thời.*

...Mới rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây, vì vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt, đó là trời xui nên vậy".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử kí toàn thư*, Tập 1, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2004, tr.548-549)

a) Đoạn tư liệu trên ghi nhận: trong thời kì phong kiến, sự đồng lòng giữa "trên dưới', "vua tôi" và sự góp sức của cả nước đã làm nên thắng lợi trong kháng chiến.

b) Cả hai thời kỳ được nêu trong tư liệu đều chứng minh quy luật: đoàn kết dân tộc là điều kiện tiên quyết cho thắng lợi của sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

c) Tư tưởng "trên dưới cùng lòng, cả nước góp sức" trong thời Đinh – Lê – Trần là không còn là nền tảng tinh thần cho khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam ngày nay.

d) Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, nếu các tầng lớp nhân dân không đồng thuận thì sức mạnh dân tộc vẫn không bị ảnh hưởng.

Câu 15: Cho đoạn tư liệu sau:

"*Trước hết nói về Đảng - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân ta hăng hái đấu tranh tiến hành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.*

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình".

(Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Di chúc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999)

a) Đoạn tư liệu trên ghi nhận: truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam được hình thành từ khi Đảng ra đời năm 1930.

b) Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xem đại đoàn kết dân tộc là yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

c) Tinh thần "giữ gìn đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ con ngươi của mắt mình" nghĩa là xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức.

d) Giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng là cơ sở để mở rộng khối đại đoàn kết ra toàn xã hội, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân.

Câu 16: Cho đoạn tư liệu sau:

"*Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946 khẳng định: "Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái, trai, giai cấp, tôn giáo.""*

(Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946,1959,1989,1992, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr.6)

"*Điều 5, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam, năm 2013 có đoạn: Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bìng đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.*"

(Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.10-11)

a) Đoạn tư liệu trên thể hiện: tư tưởng đoàn kết dân tộc đã được nêu từ Hiến pháp 1946, 1959, 1980 và 1992; Hiến pháp 2013 chỉ kế thừa và phát triển.

b) Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước chỉ tập trung vào vùng dân tộc thiểu số, chưa gắn với sự phát triển chung của cả nước.

c) Nội dung "đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo" trong Hiến pháp năm 1946 thể hiện tinh thần bình đẳng và nhân văn sâu sắc.

d) Chính sách dân tộc nhất quán, nhân văn và tiến bộ đã tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, là nguồn lực quyết định giúp Việt Nam phát triển đất nước và hội nhập quốc tế vững chắc.